

Số: 11/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 11 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 339/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Hoàng Ngọc Bảo L**, sinh năm 1996; địa chỉ: H đường N, phường T, thành phố Huế.

2. **Chị Phạm Đỗ Uyên T**, sinh năm 1990; địa chỉ: H đường N, phường T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Ngọc Bảo L và chị Phạm Đỗ Uyên T đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 28/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường T, thành phố Huế nên quan hệ hôn nhân của anh L và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh L và chị T chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến năm 2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa vợ chồng có quan điểm sống không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh L và chị T đã sống ly thân được 01 năm. Nay anh L và chị T đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh L và chị T không thể hàn gắn và anh chị đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh Hoàng Ngọc Bảo L và chị Phạm Đỗ Uyên T.

[2] Về con chung: Anh Hoàng Ngọc Bảo L và chị Phạm Đỗ Uyên T xác nhận có 01 con chung là Hoàng Ngọc Bảo H, sinh ngày 22/11/2022.

Anh L và chị T thỏa thuận giao con chung Hoàng Ngọc Bảo H cho chị Phạm Đỗ Uyên T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; Anh Hoàng Ngọc Bảo L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng là kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh L và chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh L và chị T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Ngọc Bảo L và chị Phạm Đỗ Uyên T thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0003287 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Th, thành phố Huế (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Huế). Anh L, chị T đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Ngọc Bảo L và chị Phạm Đỗ Uyên T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Hoàng Ngọc Bảo H, sinh ngày 22/11/2022 cho chị Phạm Đỗ Uyên T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Anh Hoàng Ngọc Bảo L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng là kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Hoàng Ngọc Bảo L và chị Phạm Đỗ Uyên T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Hoàng Ngọc Bảo L và chị Phạm Đỗ Uyên T xác nhận không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Ngọc Bảo L và chị Phạm Đỗ Uyên T thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0003287 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Th, thành phố Huế (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Huế). Anh L, chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Huế;
 - TAND thành phố Huế;
 - THADS thành phố H;
 - Các đương sự;
 - UBND phường Th
- (ĐKKH số 63 ngày 28/7/2020 tại
UBND phường Tr cũ;
- Lưu án;
 - Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình